

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Nguyễn Xuân T là Ông Đàm Quốc C, Luật sư Công ty Luật TNHH Chính Nhân, thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Chi nhánh Tây Nguyên số 17 Y Bih Alêô, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. *Người bị kiện:* - Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ trụ sở: Số 45 Nguyễn Tất Thành, thị trấn K, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện K: Ông Châu Văn L – Chức vụ: Phó Chủ tịch huyện K, tỉnh Đắk Lắk, là người đại diện theo ủy quyền của UBND và Chủ tịch UBND huyện huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện:*

Ông Trần Minh T1 - Phó phòng tài nguyên và môi trường huyện K, có mặt

Ông Trần Văn H – Chánh thanh tra nhà nước huyện K (không tham gia tố tụng).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Phạm Thị Th; Địa chỉ: Thôn T2, xã E1, huyện K, Tỉnh Đắk Lắk; Bà Th ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L1, bà Liên có mặt.

3.2. Ông Ngô Văn S (có đơn xin vắng) và bà Lê Thị G (có mặt); Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện K, Tỉnh Đắk Lắk.

Trước khi xét xử phúc thẩm, ông Ngô Văn S và bà Lê Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt có văn bản không ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn N1.

4. Người làm chứng:

- Đại diện Ngân hàng: ông Phạm Đình Dg – Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Ea Toh Bắc, Tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Ủy ban nhân dân xã E: Ông Phạm Văn Tr – Chủ tịch UBND xã E, huyện K, Tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình tố tụng; người khởi kiện là ông Nguyễn Xuân T và người đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày:

Năm 1995, ông T nhận chuyển nhượng của các hộ ông Ama M, Y D, Ama K, Ama Tr một lô đất có diện tích 12.400m² tọa lạc tại thôn H1, xã Đ1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau này xã Đ1 tách thành hai xã E và Xã Đ1. Đất hiện nay của ông T ở khu vực trung tâm xã E.

Năm 1998 theo yêu cầu của ban quy hoạch xã Đ1 về việc thu hồi đất để quy hoạch khu trung tâm chợ B, có biên bản thỏa thuận đền bù đất với giá 32.240.000 đồng. Ông T đã chuyển giao đất nhưng không được đền bù tiền bồi thường. Từ đó đến nay ông T liên tục làm đơn khiếu nại, yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền giải

quyết nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông.

Trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại thì UBND huyện K có lên phương án và cho tiến hành xây dựng trụ sở UBND xã E vào năm 2002, xây dựng trụ sở Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bưu điện xã năm 2007.

Ngày 31/8/2010, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành văn bản số 4482/UBND-NC về việc xử lý đơn khiếu nại của ông T với nội dung: Công nhận QSDĐ của hộ ông Nguyễn Xuân T đối với toàn bộ diện tích đất 12.400m²; đồng thời cấp giấy CNQSDĐ đối với phần diện tích đất còn lại sau khi trừ đi phần diện tích đất xây dựng Ngân hàng, bưu điện xã và một số hộ dân.

Ngày 02/12/2010, UBND huyện K ban hành quyết định số 3681/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông T như sau: công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông T và đồng ý cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông T là 8.746m² (gồm hai thửa: thửa thứ nhất với diện tích 195m²; thửa thứ hai với diện tích 8.551m²). Nhưng UBND xã E đã không phối hợp với các cơ quan chức năng để tiến hành thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T.

Ông T tiếp tục khiếu nại đến các cấp chính quyền để yêu cầu thực hiện Quyết định số 3681/QĐ-UBND. Đến ngày 12/5/2011 ông Phạm Minh S1 – Chủ tịch UBND huyện K; Đoàn thanh tra 1282 cùng gia đình ông T có lập biên bản thỏa thuận với nội dung:

Ngoài diện tích 3561m² ông T đồng ý giao cho Nhà nước để sử dụng bố trí khu dân cư và xây dựng công trình công cộng, thì ông T tiếp tục hiến thêm 2.411,7m² đất,

UBND huyện K sẽ công nhận quyền sử dụng đất cho ông T đối với phần đất còn lại trong tổng số 12.400m²; diện tích đất còn lại là 6.339m² bao gồm: vị trí 1 có diện tích là 195m² trong đó có 100m² đất ở; vị trí 2 có diện tích là 1.967m² trong đó có 150m² đất ở; vị trí 3 có diện tích là 4.177m² trong đó có 150m² đất ở. Đồng thời phải cấp thêm cho ông T một lô đất có diện tích 100m², chiều dài 20m, chiều rộng 5m cạnh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Ea Tân vì trụ sở ngân hàng xây dựng trên đất của ông T”.

Tại biên bản thỏa thuận cũng ghi nhận rõ “*Nếu không công nhận quyền sử dụng đất với diện tích và vị trí như trên thì ông T sẽ không thực hiện các thỏa thuận*”.

Ngày 7/6/2011, UBND huyện K ban hành quyết định số 1667/QĐ- UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T với nội dung: Công nhận đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T.

Theo đó, ngày 11/10/2011, gia đình ông T được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 815503 với tổng diện tích đất được cấp là 6.339m². Tuy nhiên, thửa đất số 344, tờ bản đồ số 46, diện tích 195m² (trong diện tích 6.339m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đã được ông Ngô Văn S xây nhà và sử dụng đất trên đó.

Trong thời gian chờ đợi giải quyết việc khiếu nại thì UBND huyện K lại sử dụng một phần diện tích đất của ông T (khoảng 2.500m²) trong tổng số diện tích đất 12.400m² để phân lô, bán nền cho các hộ dân; cấp Giấy CNQSDĐ cho hơn 20 hộ dân.

Ngày 24/11/2015, Chủ tịch UBND huyện K ban hành quyết định số 4233/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của gia đình ông T với nội dung:

“Công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T về việc đề nghị UBND huyện K công nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích 12.400m²; công nhận và cấp giấy CNQSDĐ diện tích 1.827m² tại vị trí số 4, một phần lô số 5 mục đích sử dụng: đất nông nghiệp theo trích lục, đo đạc địa chính ngày 07/6/2011 cho gia đình ông Nguyễn Xuân T; bồi thường bằng diện tích 4.429m² đất theo giá đất ở và giá đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân T.

Hủy bỏ một phần quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của UBND huyện K về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T để thu hồi diện tích đất 195m² tại thửa đất số 344, tờ bản đồ số 46”.

Ngày 30/3/2016, UBND huyện K ban hành Quyết định số 1113/QĐ-UBND về việc thu hồi 4.429m² của hộ ông Nguyễn Xuân T và giao cho UBND xã E quản lý, bố trí sử dụng.

Ngày 13/6/2016, UBND huyện K ban hành quyết định số 2786/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất của ông T. Tại phương án, số tiền bồi thường là 1.051.693.585 đồng.

Ông T không đồng ý với quyết định số 4233/QĐ-UBND, quyết định số 1113/QĐ-UBND và quyết định số 2786/QĐ-UBND bởi quyền lợi của ông chưa được đảm bảo. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết hủy 03 Quyết định hành chính trên của Chủ tịch UBND huyện K và UBND huyện K. Yêu cầu UBND huyện K phải:

Bồi thường theo giá đất Nhà nước đối với phần diện tích đất thu hồi trái pháp luật của ông T mà đã xây dựng trụ sở UBND xã E vào năm 2002; xây dựng trụ sở

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh xã E và Bru điện xã năm 2007;

Bồi thường theo giá đất thị trường đối với phần diện tích đất thu hồi trái pháp luật của ông T mà UBND huyện K đã phân lô, bán nền, giao cho hơn 20 hộ dân sử dụng từ năm 2013 tại thôn H1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo đúng mục đích sử dụng đất mà các hộ dân này ghi nhận trong giấy CNQSDĐ đã được cấp;

Công nhận QSDĐ đối với phần diện tích đất còn lại trong tổng số diện tích đất 12.400m² sau khi trừ đi phần diện tích đã xây dựng trụ sở UBND xã E, Ngân hàng, Bru điện xã và diện tích đất đã cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân.

Ngày 18/4/2017 ông Nguyễn Xuân T có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét hủy:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ủy ban nhân dân huyện K đã cấp cho hộ ông Ngô Văn S diện tích 100m² thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 46, xã E và Quyết định 4411/QĐ-UBND ngày 5/9/2016 về việc công nhận quyền sử dụng đất cho ông S bà G.

Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 do Chủ tịch UBND huyện K ban hành về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T.

Quá trình tố tụng ông Châu Văn L người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện K trình bày:

- Ngày 24/11/2015, Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 4233/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T; trú tại thôn T2, xã E1, huyện K là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích cho ông T, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Sau đó, ông T cũng đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại trên và không khiếu nại lần hai lên cấp có thẩm quyền hoặc khởi kiện hành chính tại Tòa án nhân dân. Như vậy, theo khoản 1 Điều 44 Luật khiếu nại năm 2011 “Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày kể từ ngày ban hành mà người khiếu nại không khiếu nại lần hai...” thì Quyết định giải quyết khiếu nại số 4233/QĐ-UBND có hiệu lực pháp luật và có giá trị thi hành ngay.

- Về giải quyết khiếu nại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường và thu hồi đất:

Ngày 30/3/2016, UBND huyện K ban hành Quyết định số 1113/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với ông Nguyễn Xuân T, trú tại thôn T2, xã E1, huyện K và giao cho UBND xã E quản lý, bố trí, sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/6/2016, UBND huyện ban hành quyết định số 2786/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường và dự toán kinh phí tổ chức bồi thường khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông T.

Không đồng ý với phương án bồi thường trên. Ngày 27/9/2016, ông T có đơn khiếu nại Quyết định số 2786/QĐ-UBND.

Ngày 03/10/2016, UBND huyện K ban hành Quyết định số 4652/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại. Đoàn xác minh số 4652 đã báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại và đưa ra phương án giải quyết: giữ nguyên Quyết định số 2786/QĐ-UBND, đồng thời xem xét hỗ trợ số tiền chênh lệch giữa việc áp giá theo quy định của Luật đất đai 2003 so với Luật đất đai 2013 là 567.603.580đ.

Ngày 01/01/2016, Lãnh đạo UBND huyện K chủ trì cùng lãnh đạo các phòng, ban, ngành của huyện đã tổ chức đối thoại trực tiếp với hộ gia đình ông Nguyễn Xuân T. Tại buổi đối thoại, gia đình ông T không đồng ý với phương án bồi thường theo dự thảo của Đoàn xác minh số 4652 và đề nghị UBND huyện K thương lượng bồi thường cho hộ gia đình ông số tiền là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) thì gia đình ông sẽ không khiếu nại. Sau đó ông T có ghi vào biên bản đối thoại không nhận số tiền hỗ trợ 567.603.580đ mà đề nghị cấp lại 95m² đất đã thu hồi của gia đình ông thì gia đình ông sẽ không khiếu nại nữa.

Thực tế, diện tích 95m² đất đã thu hồi nói trên là để giải quyết công nhận QSDĐ cho hộ khác theo Công văn số 1220/UBND-NN&MT, ngày 13/3/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết đơn kiến nghị của các hộ dân tại chợ xã E, huyện K.

Ngày 28/11/2016, UBND huyện K có Công văn số 1036/UBND- TTr về việc xin ý kiến chỉ đạo giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T gửi UBND tỉnh Đắk Lắk với nội dung đề xuất phương án giải quyết như sau: Xem xét cho hỗ trợ khác với số tiền 567.603.580đ cho gia đình ông T.

Sau khi có ý kiến của UBND tỉnh Đắk Lắk, Chủ tịch UBND huyện K ban hành quyết định giải quyết khiếu nại về bồi thường theo quy định.

Việc khiếu nại này UBND huyện đang tiến hành xem xét giải quyết theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Nếu ông Nguyễn Xuân T khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì UBND huyện dừng xem xét, giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Th trình bày:

Nguồn gốc lô đất là vào năm 1995 vợ chồng ông T có nhận chuyển nhượng

của các hộ ông Ama M, Y D, Ama K, Ama Tr, lô đất có diện tích 12.400m² tọa lạc tại thôn H1, xã Đ1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đến năm 1998 ban quy hoạch xã Đ1 thu hồi đất để quy hoạch khu trung tâm chợ B. Nay chồng ông T là ông Nguyễn Xuân T khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện K ông T hoàn toàn đồng ý theo chồng ông T. Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn S và bà Lê Thị G, ông Nguyễn Tấn N1 trình bày:

Năm 1997 ông Ngô Văn S và bà Lê Thị G có làm đơn mượn đất của Ban quy hoạch Chi bộ 5 một lô đất để làm nhà. Đến năm 1998 nhà cháy thì đến khoảng tháng 4/1999 ông S bà G chuyển tới khu đất rừng, ngã ba đầu chợ dưới tức nhà ông S bà G bây giờ phát cây cối, khai phá để kinh doanh, buôn bán và làm nhà ổn định diện tích 195m², từ đó đến nay không tranh chấp với ai. Có giấy xác nhận của Ban tự quản thôn Đ ngày 01/4/2015.

Ngày 31/12/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 9441,2m² cho ủy ban nhân dân xã E thừa đất số 142, tờ bản đồ số 46 tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 11/10/2011, Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông Nguyễn Xuân T diện tích 6339m² trên diện tích đất mà gia đình ông S đã làm nhà và sống ổn định; một phần diện tích đất được cấp cho ông T còn nằm chồng lên diện tích mà ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp cho UBND xã E. Đến tháng 3/2013 khi phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T thì gia đình không đồng ý. Bởi gia đình ông S làm nhà trên đất lấn chiếm từ năm 1999 chứ không phải đất của ông Nguyễn Xuân T.

Ngày 20/9/2016, Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn S và bà Lê Thị G diện tích 100m² thừa đất số 335, tờ bản đồ số 78. Đối với phần diện tích 95m² còn lại hiện tại hộ ông S bà G vẫn đang tiếp tục quản lý, kinh doanh. Trên đất có giếng nước, nhà bếp, cây đa và một số cây ăn quả.

Hiện ông Nguyễn Xuân T khởi kiện đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện K đã cấp cho hộ ông Ngô Văn S diện tích 100m² thuộc thừa đất số 344, tờ bản đồ số 46 tại xã E thì gia đình ông S bà G đồng ý với yêu cầu trên.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

- Đối với diện tích đất không bị thu hồi là 6.339m² (trong đó có 195m² đã bị

thu hồi) ông T đang quản lý và sử dụng thì ông không có ý kiến gì.

- Đối với diện tích đất bị thu hồi 195m² hiện gia đình ông Ngô Văn S đang quản lý và làm nhà ở. Theo UBND xã E cho biết hiện nay phần đất này đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S 100m², còn lại 95m² chưa cấp cho ai hiện tại gia đình ông S đang quản lý để kinh doanh.

- Đối với diện tích đất 2.556m² tờ bản đồ số 78 mà gia đình ông T đang khiếu nại về việc áp giá bồi thường cho ông là không đúng thì hiện các hộ dân đã xây nhà ở và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí thửa đất tại trung tâm chợ xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện thống nhất với toàn bộ nội dung mà người bị kiện đã trình bày.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Luật đất đai năm 2013, Nghị định 181/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009; Điểm a Khoản 2 Điều 138 Luật Đất đai 2003; Điều 100 và Điều 101 Luật đất đai 2013; Điều 18 Luật khiếu nại 2011, Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH về án phí lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 27/2/2009

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T: Hủy Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của Chủ tịch UBND huyện K ban hành về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T, hủy Quyết định số: 4233/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T, hủy Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của ủy ban nhân dân huyện K về việc thu hồi 4.429m² của hộ ông Nguyễn Xuân T và giao cho UBND xã E quản lý, bố trí sử dụng, hủy quyết định số 2786/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của ủy ban nhân dân huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Xuân T, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ909961 do ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông Ngô Văn S và bà Lê Thị G ngày 20/9/2016, hủy Quyết định số 4411/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện K về việc công nhận quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với ông Ngô Văn

S, bà Lê Thị G.

Ủy ban nhân dân huyện K phải có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Nguyễn Xuân T đối với phần diện tích đất còn lại trong tổng số diện tích đất 12.400m² sau khi trừ đi phần diện tích đã xây dựng trụ sở UBND xã E; trụ sở Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Phòng giao dịch An Phát; Bưu điện xã và diện tích đất đã cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân và bồi thường cho ông Nguyễn Xuân T giá trị quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất đã xây dựng trụ sở UBND xã E, Ngân hàng, Bưu điện xã và diện tích đất đã cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân nằm trong diện tích đất 12.400m² của hộ ông Nguyễn Xuân T theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 20/03/2018, ông Châu Văn L – Chức vụ Phó Chủ tịch UBND huyện K là người đại diện hợp pháp cho UBND và Chủ tịch UBND huyện K có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 02/03/2018 của TAND Tỉnh Đắk Lắk. Ông L trình bày nội dung kháng cáo như sau:

- Tại trang 9 của Bản án HC-ST trích dẫn văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu lực pháp luật.
- Tại trang 10 của Bản án HC-ST nhận định “UBND huyện K đã chưa thực hiện theo trình tự thông báo thu hồi, lập phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư mà ra quyết định phê duyệt phương án” là không đúng.
- Việc hủy Giấy CNQSD đất số BQ909961 và Quyết định số 4411/QĐ UBND ngày 05/09/2016 của UBND huyện K là không đúng.
- Tại trang 12 của Bản án HC-ST nhận định “UBND huyện K đã thu hồi đất để phân lô, bán nền” là không đúng và việc tuyên xử không rõ ràng, khó khăn cho việc thi hành án.

Do vậy, ông L kháng cáo toàn bộ Bản án HC-ST, yêu cầu TAND Cấp cao xét xử phúc thẩm lại Bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toàn phúc thẩm, ông Châu Văn L giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư Đàm Quốc C trình bày luận cứ bảo vệ cho ông Nguyễn Xuân T và bà Phạm Thị Th như sau: Ngày 02/10/2010, UBND huyện K đã ban hành Quyết định số 3681/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T, đây là quyết định hành chính đã có hiệu lực pháp luật, ông T, bà Th đồng ý theo quyết định này nhưng do UBND huyện K và UBND xã E không thực hiện nên ông T

khieu nại, sau khi ông T với UBND huyện K có một số thỏa thuận để thực hiện Quyết định số 3681/QĐ-UBND nhưng về phía UBND huyện K thực hiện không đúng theo cam kết, một số diện tích đất trong Giấy CNQSDĐ của ông T do người khác sử dụng từ trước, sau đó Chủ tịch UBND và UBND huyện K lại ban hành 06 quyết định hành chính liên quan thửa đất 12.400m² của ông T là không đúng pháp luật, Đối với phần diện tích đất 291,5m² ông Nguyễn Tấn N1 đang sử dụng, có liên quan đến Bản án hành chính phúc thẩm số 29/2017/HC-PT ngày 06/3/2017 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng, ông Nguyễn Xuân T đang khiếu nại xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, đề nghị tách phần này ra, đối với nội dung thỏa thuận giữa ông T với Ngân hàng đề nghị thực hiện theo thỏa thuận. Do vậy Luật sư đề nghị giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm, bác kháng cáo của UBND huyện K.

Ý kiến của ông Lê Thành N là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân T và ý kiến của bà Nguyễn Thị L1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Th thống nhất như ý kiến của Luật sư.

Kiểm sát viên tham gia phiên toàn phát biểu:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

- Về nội dung, Sau khi phân tích nội dung vụ án, các quyết định hành chính bị khởi kiện. Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của đại diện UBND và Chủ tịch UBND huyện K, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy rằng:

Đối với đơn kháng cáo và khiếu nại của ông Nguyễn Tấn N1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị G tại phiên toà sơ thẩm. Nhưng tại giai đoạn phúc thẩm, ông S và bà G có văn bản trình bày không tiếp tục ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn N1, không đồng ý với nội dung kháng cáo của ông N, nội dung kháng cáo của ông N không phải là ý chí, nguyện vọng của ông S, bà G.

Xem xét kháng cáo của đại diện UBND và Chủ tịch UBND huyện K xét thấy:

[1].Nguồn gốc thửa đất có diện tích 12.400m² tại thôn H1, xã Đ1 (nay là xã

E) là của ông Nguyễn Xuân T và bà Phạm Thị Th nhận chuyển nhượng của các ông Ama M, Y D, Ama K và Ama Tr từ năm 1995. Năm 1998, Ban Quy hoạch xã Đ1 thu hồi 12.400m² đất nêu trên của ông Nguyễn Xuân T nhưng không có hồ sơ, thủ tục thu hồi đất, giữa hai bên có ký biên bản thỏa thuận đền bù cho ông T số tiền 32.400.000đ nhưng Ban Quy hoạch xã Đ1 không thực hiện, việc giao tiền cho ông T. Ông T đã nhiều lần gửi đơn khiếu nại về việc thu hồi đất, nhưng không được giải quyết. Trong lúc đó, một phần diện tích thửa đất được đưa vào xây dựng Trụ sở UBND xã E, Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bưu điện văn hóa xã E và một số hộ dân được bố trí sử dụng làm nhà ở.

Ngày 31/8/2010, UBND Tỉnh Đắk Lắk có công văn số 4482/UBND-NC nội dung công văn nêu: Việc Ban Quy hoạch xã E thu hồi 12.400m² đất của ông T để phân lô bán nền là trái pháp luật. Đồng thời, chỉ đạo UBND huyện K giải quyết đơn của ông T theo hướng công nhận quyền sử dụng đất 12.400m² cho ông T, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi trừ đi diện tích xây dựng Trụ sở UBND xã E, Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bưu điện văn hóa xã E và một số hộ dân đã sử dụng.

Theo nội dung văn bản nêu trên, ngày 02/10/2010, UBND huyện K đã ban hành Quyết định số 3681/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T.

Nội dung: UBND huyện K đồng ý cấp Giấy CNQSD đất diện tích còn lại là 8.746m² cho ông Nguyễn Xuân T (tại 02 thửa đất, thửa thứ nhất có diện tích 195m², thửa thứ 2 diện tích 8.551m²), phần đất còn lại là 3.654m² (12.400m² – 8746m²) Nhà nước không phải bồi thường.

Quyết định hành chính nói trên của Chủ tịch UBND huyện K, đã có hiệu lực pháp luật, nhưng hơn 04 tháng sau UBND huyện K vẫn không tổ chức thi hành Quyết định, ngày 18/02/2011 Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk tiếp tục có công văn số: 670/UBND-NC chỉ đạo UBND huyện K thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại số 3681/QĐ-UBND ngày 02/10/2010 của UBND huyện K.

Do UBND huyện K không tổ chức thực hiện, thi hành Quyết định hành chính đã có hiệu lực pháp luật nên ông Nguyễn Xuân T tiếp tục có nhiều đơn khiếu nại. Đến ngày 12/5/2011, giữa UBND huyện K với ông T có lập biên bản thỏa thuận với nội dung:

“- Ngoài diện tích 3.654m² ông T đồng ý giao cho Nhà nước để sử dụng bố trí khu dân cư và xây dựng công trình công cộng thì ông T tiếp tục hiến thêm 2.411,7m² đất.

- UBND huyện K sẽ công nhận quyền sử dụng đất cho ông T đối với phần đất còn lại trong tổng số 12.400m²; diện tích đất còn lại là 6.339m² bao gồm: vị trí 1 có diện tích là 195m² trong đó có 100m² đất ở; vị trí 2 có diện tích là 1.967m² trong đó có 150m² đất ở; vị trí 3 có diện tích là 4.177m² trong đó có 150m² đất ở. Đồng thời phải cấp thêm cho ông T một lô đất có diện tích 100m², chiều dài 20m, chiều rộng 5m cạnh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Ea Tân vì trụ sở ngân hàng xây dựng trên đất của ông T.” Tại biên bản thỏa thuận cũng ghi nhận rõ: “Nếu không công nhận quyền sử dụng đất với diện tích và vị trí như trên thì ông T sẽ không thực hiện các thỏa thuận”, sau đó UBND huyện K không thực hiện đúng theo nội dung đã thỏa thuận mà lại tiếp tục ban hành Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 về việc giải quyết khiếu nại đối với ông T. Tuy UBND huyện K đã thực hiện việc cấp GCNQQSĐĐ, QSHNỞ và TSKGLVĐ số BA815503 ngày 11/10/2011, nhưng có một số diện tích đất được cấp trong GCNQQSĐĐ, QSHNỞ và TSKGLVĐ số BA815503 đang do người khác sử dụng làm nhà ở. Ông T không sử dụng đất được và cho rằng UBND huyện K không thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận nên tiếp tục khiếu nại, lẽ ra UBND huyện K tiếp tục thực hiện theo quyết định giải quyết khiếu nại (số 3681/QĐ-UBND ngày 02/10/2010) nhưng lại tiếp tục ban hành Quyết định số 4233/QĐ-UBND ngày 24/11/2015.

Xét thấy: Theo quy định của pháp luật tại Điều 20 Luật Khiếu nại – Tổ cáo năm 1998, Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011 thì thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu, trong lúc quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3681/QĐ-UBND ngày 02/10/2010, không bị ông T khiếu nại, không bị UBND tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân hoặc cơ quan có thẩm quyền khác hủy bỏ thì Quyết định đó có hiệu lực pháp luật và được tổ chức thi hành theo quy định tại các Điều 44, 45, 46 Luật Khiếu nại năm 2011 và các Điều 13, 14 Nghị định số 75/2012/NĐCP ngày 03/10/2012 của Chính phủ. Nhưng UBND huyện K không tổ chức thi hành Quyết định đã có hiệu lực pháp luật mà tiếp tục ban hành các quyết định hành chính số 1667/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 và Quyết định số 4233/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 đều có nội dung trùng lặp với nội dung đã được giải quyết khiếu nại tại Quyết định 3681/QĐ-UBND.

Theo trình bày của đại diện Ủy ban nhân dân huyện K Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 đã thay thế Quyết định số 3681/QĐ-UBND nhưng xét thấy Quyết định số 1667/QĐ-UBND đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K ban hành trên cơ sở thỏa thuận với ông T, do Ủy ban nhân dân thực hiện

không đúng theo cam kết nên sự thỏa thuận đó không có giá trị, mặt khác việc giữa Ủy ban nhân dân huyện K với ông T thỏa thuận nhằm thực hiện Quyết định số 3681/QĐ-UBND, nên không có căn cứ để Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành quyết định giải quyết khiếu nại khác.

Do vậy, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2016/HCST ngày 02/3/2018 của TAND tỉnh Đắk Lắk đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy bỏ các quyết định hành chính số 1667/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 và Quyết định số 4233/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tương tự, xem xét Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 về việc thu hồi 4.429m² đất của ông Nguyễn Xuân T và Quyết định số 2786/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với ông Nguyễn Xuân T. Xét thấy rằng: Tại Quyết định số 3681/QĐ-UBND ngày 02/10/2010 có xác định: “Số diện tích đất còn lại (3654 m²) gia đình ông xin hiến cho Nhà nước mà không cần khoản đền bù”, ông T không yêu cầu bồi thường 3.654m² nhưng UBND huyện K bồi thường diện tích này là gây thiệt hại cho Nhà nước, đối với diện tích đất công nhận cho ông T thiếu 775m², so với Quyết định số 3681/QĐ-UBND gây thiệt hại cho ông T, hơn nữa, việc UBND huyện K thu hồi đất để giao cho UBND xã E quản lý, bố trí sử dụng là không đúng đối tượng, không có đất trên thực tế và đất đã cho tổ chức khác thuê. Theo quy định tại các Điều 61, 62, 63, 64, và 65 Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐCP ngày 15/5/2014 thì việc thu hồi đất UBND huyện K cũng chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục và nội dung các quy định nêu trên của Luật Đất đai. Vì vậy, TAND tỉnh Đắk Lắk đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy bỏ các quyết định hành chính số 1113/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 về việc thu hồi 4.429m² đất của ông Nguyễn Xuân T và Quyết định số 2786/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với ông Nguyễn Xuân T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xem xét Giấy CNQSDĐ số BQ 909061 và quyết định số 4411/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của UBND huyện K đã cấp cho ông Ngô Văn S và bà Lê Thị G diện tích 100m² tại thửa đất số 344, tờ bản đồ số 46, xã E. Thấy rằng: Diện tích nói trên là diện tích đất phải thi hành theo Quyết định số: 3681/QĐ-UBND ngày 02/10/2010 của Chủ tịch UBND huyện K, mặc khác diện tích đất này ông T đang còn khiếu kiện, tranh chấp, mặc khác theo trình bày của ông Ngõ Văn Sản và bà Lê Thị G Giấy CNQSD đất số BQ 909961 ngày 20/9/2016 và Quyết định 4411/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 do UBND huyện K đã cấp cho ông S, bà G là không đúng

pháp luật, nhưng UBND huyện K đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S, bà G, là không đúng pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BQ 909061 và Quyết định 4411/QĐ-UBND là có căn cứ.

Đối với phần diện tích đất 291,5m² ông Nguyễn Tấn N1 đang sử dụng, (trong đó có diện tích 90,1m² thuộc thửa 345, tờ bản đồ 78 nằm trong diện tích 1.967m² theo GCNQSDĐ số BA815503 của ông T và 301,4m² nằm trong diện tích 4.429m² đất của ông T, đã bị thu hồi) có liên quan đến Bản án hành chính phúc thẩm số 29/2017/HC-Pt ngày 06/3/2017 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng, do đây là Bản án đã có hiệu lực pháp luật, theo ông Nguyễn Xuân T trình bày hiện ông đang khiếu nại xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, khi nào có kết quả thì được giải quyết bằng quan hệ dân sự khác, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với một số diện tích thuộc quyền sử dụng của ông T nhưng bị một số người lấn chiếm không thuộc phạm vi xem xét của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy 06 Quyết định hành chính của Chủ tịch UBND và của UBND huyện K đã nêu ở trên đều có sai phạm do xuất phát từ việc ban hành, quyết định giải quyết khiếu nại không đúng thẩm quyền, nội dung đã được giải quyết khiếu nại, đã có quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật nhưng Chủ tịch UBND giải quyết lại trùng lặp nội dung, áp dụng không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Xuân T và bà Phạm Thị Th cũng như của Nhà nước. Do vậy, TAND Tỉnh Đắk Lắk đã tuyên hủy toàn bộ 06 Quyết định hành chính nói trên và yêu cầu UBND huyện K có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định hành chính số 3681/QĐ-UBND ngày 02/12/2010 của UBND huyện K là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy, HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Đại diện hợp pháp của UBND và Chủ tịch UBND huyện K.

Đối với việc Bản án sơ thẩm viện dẫn phân tích về trình tự, thủ tục thu hồi đất theo Nghị định 69/2009/NĐCP ngày 13/8/2009 là văn bản đã được thay thế là không đúng, tuy nhiên không ảnh hưởng gì đến nội dung giải quyết vụ án hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bổ sung một số căn cứ pháp luật có liên quan.

Do không chấp nhận kháng cáo nên UBND huyện K phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều a Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch UBND huyện K, Tỉnh Đắk Lắk – người đại diện theo ủy quyền ông Châu Văn L, chức vụ Phó chủ tịch UBND huyện K, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Áp dụng Điều 20 Luật Khiếu nại – Tố cáo năm 1998; Điều 18, Điều 44, 45, 46 Luật Khiếu nại năm 2011; các Điều 13, 14 Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; các Điều 38, 39, 40, 138 Luật Đất đai năm 2003; các Điều 99, 100, 101 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T: Hủy Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T, hủy Quyết định số: 4233/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T, hủy Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của ủy ban nhân dân huyện K về việc thu hồi 4.429m² của hộ ông Nguyễn Xuân T và giao cho UBND xã E quản lý, bố trí sử dụng, hủy quyết định số 2786/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc Phê duyệt phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Xuân T, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ909961 ngày 20/9/2016 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông Ngô Văn S và bà Lê Thị G, hủy Quyết định số 4411/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K về việc công nhận quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với ông Ngô Văn S, bà Lê Thị G.

Ủy ban nhân dân huyện K phải có trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định hành chính số 3681/QĐ-UBND ngày 02/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T. Thực hiện việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Nguyễn Xuân T đối với phần diện tích đất còn lại trong tổng số diện tích đất 12.400m² sau khi trừ đi phần diện tích 3.654m² (đã xây dựng trụ sở UBND xã E; trụ sở Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Phòng giao dịch An Phát; Bưu điện xã và diện tích đất đã cấp GCNQSDĐ cho một số hộ dân).

Về án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng Điều 34 Nghị quyết 326/2016/NQ-CP ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án UBND huyện K phải chịu 300.000đ án phí Hành chính phúc thẩm. Được miễn trừ

vào số tiền đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005549 ngày 05/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự Tỉnh Đắk Lắk.

Quyết định về án phí của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự;
- Dương sự;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Công Thi